

Bản án số 45/2023/DS-PT
Ngày 19 – 4 – 2023
V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung
Bà Mai Vương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19-4-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/DS-PT ngày 10-10-2022 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 21-7-2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 23-11-2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị C1**; sinh năm: 1925; địa chỉ: Số 1xx đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T1; sinh năm: 1958; địa chỉ: Kxx/xE đường S, quận K, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 29-10-2019 tại UBND phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

* ***Bị đơn:*** Bà **Lê Thị Huyền C2** - Sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 2x đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị H1; sinh năm: 1993; địa chỉ: 9x đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 17-01-2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Nghiệp); có mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Hồ Thị N1; sinh năm: 1974; địa chỉ: Số 4x đường L, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam B, tỉnh T; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị Đ; sinh năm: 1954; địa chỉ: Số 3X đường Đ, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị T2; sinh năm: 1958; địa chỉ: Khu phố X, phường P, thị xã X, tỉnh B; vắng mặt.

- Ông Hồ Văn H2; sinh năm: 1962; địa chỉ: Số 3xx/3x đường P, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị B; sinh năm: 1966; địa chỉ: Tổ xx thôn Q, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N2; sinh năm: 1955; địa chỉ: Số 1xx đường T, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị X; sinh năm: 1977; địa chỉ: Số 1xx đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ông Hồ Văn Q; sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 1xx đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị Xuân M; sinh năm: 1986; địa chỉ: Số 1xx đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ông Hồ Văn Z; sinh năm: 1992; địa chỉ: Số 1xx đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Văn phòng công chứng P; địa chỉ: Số 69X đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị N3 - Chức vụ: Trưởng Văn phòng; vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Lê Thị Huyền C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại Đơn khởi kiện, các bản trình bày, biên bản hoà giải và tại phiên tòa:*

Vợ chồng bà Nguyễn Thị C1 và ông Hồ C3 có tạo lập 01 lô đất tại thửa số 8xx, tờ bản đồ số xx, diện tích đất 1838,5 m², trong đó đất ở đô thị là 400 m², đất TCHNK là 1438,5 m² tọa lạc tại: Tổ 1x phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng, tài sản gắn liền trên đất là nhà có diện tích 89,2 m², kết cấu nhà: Nhà trệt, cấp 4, mái tôn, ngói nền xi măng, gạch hoa (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 603286 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 10-7-2009 cho ông Hồ C3).

Ông Hồ C3 mất năm 2010. Hàng thừa kế thứ nhất của ông C3 gồm có: Vợ là bà Nguyễn Thị C1 và các con là bà Hồ Thị Đ, bà Hồ Thị T2, ông Hồ Văn H2, bà Hồ Thị B, ông Hồ C4.

Ông C3 không có cha mẹ nuôi, không còn con nuôi, con riêng nào khác.

Ông Hồ C4 mất năm 2014. Hàng thừa kế thứ nhất của ông C3 gồm có: Vợ là bà Nguyễn Thị N2 và các con là bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn Q, bà Hồ Thị Xuân M, ông Hồ Văn Z.

Năm 2013, lô đất nói trên thuộc diện giải tỏa. Gia đình đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị C1, đã được Văn phòng công chứng P công chứng. Sau đó, bà C1 ủy quyền cho bà Lê Thị Huyền C2 được quyền thay mặt bà C1 ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến chính sách đền bù, nhận tiền giải tỏa đền bù nhận các khoản hỗ trợ khác theo chính sách giải tỏa đền bù (nếu có) theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng P công chứng số 365A/HĐUQ-VSTL-CCPN ngày 31-01-2013.

Bà Lê Thị Huyền C2 đã nhận tiền đền bù như sau:

Ngày 13-3-2013, nhận 505.212.000đ tại 4xx đường D, Đà Nẵng.

Ngày 05-4-2013, nhận 380.000.000đ tại 4xx đường D, Đà Nẵng.

Ngày 11-4-2013, nhận 200.000.000đ tại 4xx đường D, Đà Nẵng.

Tổng cộng số tiền bà C2 đã nhận là 1.085.212.000đ. Tuy nhiên bà C2 không giao lại cho bà C1 số tiền đã nhận. Vụ việc này đã có đơn tố cáo bà Lê Thị Huyền C2 “Lạm dụng chiếm đoạt tài sản” nhưng qua điều tra, truy tố và xét xử, HĐXX xác định đây là quan hệ dân sự.

Do bà C2 vẫn chưa trả số tiền đã nhận đền bù giải tỏa nên bà C1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Huyền C2 thanh toán cho gia đình bà Nguyễn Thị C1 gồm có bà Nguyễn Thị C1, bà Hồ Thị Đ, bà Hồ Thị T2, ông Hồ Văn H2, bà Hồ Thị B và ông Hồ C4 (đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông C4 gồm có vợ là bà Nguyễn Thị N2 và các con là bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn Q, bà Hồ Thị Xuân M, ông Hồ Văn Z) tổng số tiền là: 1.807.841.466đ, trong đó:

- Số tiền đền bù bà C2 đã được ủy quyền nhận là 1.085.212.000đ (Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng P công chứng số 365A/HĐUQ-VSTL-CCPN ngày 31-01-2013).

- Và tiền lãi tính từ ngày 11-4-2013 đến ngày 18-12-2019, với lãi suất 0,83%/tháng là: $1.085.212.000đ \times 0,83\% \times 80 \text{ tháng}$ 07 ngày = 722.841.466đ. Không tính lãi từ ngày 18-12-2019 đến ngày 22-12-2020.

Quá trình giải quyết vụ án, tại nội dung bản tự khai đề ngày 18-5-2020 về việc trình bày bà C1 xác định vào ngày 31-01-2013 không đến Văn phòng công chứng P để làm hợp đồng ủy quyền cho bà Lê Thị Huyền C2 và đồng thời không làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Nội dung trình bày như vậy để làm căn cứ đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố Đà Nẵng và nguyên đơn không có bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc Tuyên hợp đồng ủy quyền vô hiệu. Đối với hợp đồng ủy quyền nêu trên, bà Nguyễn Thị C1 không có ý kiến gì. Theo biên bản chi tiền đền bù lần 2 với số tiền 380.000.000đ, Ban đền bù có chi tiền đất vô 2 phiếu phân lô đất : lô 74 và lô 75 khu B2.23 đường 7,5m khu E2 mở rộng (chi mỗi lô $50.000.000 \times 2 \text{ lô} = 100.000.000đ$) là đúng. Bà N1 có giao cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất lô 74 và lô 75 khu B2.23 đường 7,5m khu E2 mở rộng. Do đó,

bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà C2 trả lại số tiền đền bù bà C2 đã được ủy quyền nhận là 985.212.000đ cho bà Nguyễn Thị C1 và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ngày 22-3-2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Huyền C2 trả lại cho nguyên đơn 03 lô đất là lô 5xx, 5xx và 6xx khu Ex mở rộng, đồng thời đề nghị tòa án tiến hành giám định dấu vân tay của bà Nguyễn Thị C1 trong các văn bản sau: *Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng P công chứng số 365A/HĐUQ-VSTL-CCPN ngày 31-01-2013, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Văn phòng công chứng P công chứng số 363A/VBTT-VSTL-CCPN ngày 31-01-2013; Tờ khai di sản thừa kế do UBND phường X chứng thực số 214, quyển số 01/SCT/CK ngày 14-4-2013; Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị C1 cho bà Huỳnh Thị Cẩm Thạch do UBND phường X chứng thực số 406 quyển số 01/SCT/CK ngày 12-7-2013; Giấy cam kết giao quyền đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư giữa bà Nguyễn Thị C1 cho bà Huỳnh Thị Cẩm T3 do UBND phường X chứng thực số 406 quyển số 01/SCT/CK ngày 12-7-2013; Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị C1 cho ông Lê Văn L và bà Võ Thị Tiểu N3 do UBND phường X chứng thực số 214 quyển số 01/SCT/CK ngày 14-4-2013; Giấy cam kết giao quyền đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư giữa bà Nguyễn Thị C1 cho ông Lê Văn L và bà Võ Thị Tiểu N3 do UBND phường X chứng thực số 214 quyển số 01/SCT/CK ngày 14-4-2013; Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị C1 cho ông Võ Văn H3 và bà Ngô Thị N4 do UBND phường X chứng thực số 214 quyển số 01/SCT/CK ngày 14-4-2013; Giấy cam kết giao quyền đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư giữa bà Nguyễn Thị C1 cho ông Võ Văn H3 và bà Ngô Thị N4 do UBND phường X chứng thực số 214 quyển số 01/SCT/CK ngày 14-4-2013;*

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21-7-2022, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là: Buộc bà C2 trả lại số tiền đền bù bà C2 đã được ủy quyền nhận là 985.212.000đ cho bà Nguyễn Thị C1, không yêu cầu tính lãi; đề nghị HĐXX xem xét tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết của Giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Huyền C2.

** Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại các bản trình bày, biên bản hoà giải và tại phiên tòa:*

Việc bà Nguyễn Thị C1 khởi kiện bà Lê Thị Huyền C2 đòi số tiền 1.085.212.000đ là không đúng sự thật. Thời điểm năm 2013, bản thân bà C2 là người làm công ăn lương cho bà Hồ Thị N1, Bà N1 kêu bà C2 làm gì thì bà làm nấy. Giữa bà Đ và Bà N1 thỏa thuận như thế nào thì bà C2 không biết. Bản thân bà C2 không quen biết với bà Đ và không thỏa thuận gì với bà Đ. Năm 2013, bà C2 được Bà N1 nói đi qua phòng công chứng ký hợp đồng ủy quyền, lúc đó gia đình bà Đ đã có ở đó và ký vào hợp đồng ủy quyền rồi. Sau khi ký xong, Bà N1 gọi trước Ban giải tỏa đền bù rồi Bà N1 gọi bà C2 xuống đó để nhận tiền, sau khi nhận tiền từ Ban giải tỏa đền bù thì bà C2 đã giao lại cho bà Hồ Thị N1. Cụ thể như sau:

Theo biên bản chi tiền đền bù lần 1 với số tiền 505.212.000đ bà nhận về và giao hết cho Bà N1.

Theo biên bản chi tiền đền bù lần 2 với số tiền 380.000.000đ, bà có chi tiền đất đối với 2 phiếu phân lô đất: lô 74 và lô 75 khu B2.23 đường 7,5m khu E2 mở rộng (chi mỗi lô $50.000.000 \times 2 \text{ lô} = 100.000.000\text{đ}$). Như vậy, bà C2 nhận số tiền đền bù lần 2 là 280.000.000đ và bà đã giao hết lại cho Bà N1.

Theo biên bản chi tiền đền bù lần 3 với số tiền 200.000.000đ, bà có chi tiền đất đối với 2 phiếu phân lô đất: lô 582 và lô 583 khu B2.21 đường 10,5m khu E2 mở rộng (chi mỗi lô $60.000.000 \times 2 \text{ lô} = 120.000.000\text{đ}$). Như vậy, bà C2 nhận số tiền đền bù lần 3 là 80.000.000đ và bà đã giao hết lại cho Bà N1.

Tổng số tiền đền bù bà C2 đã nhận là 865.212.000đ và toàn bộ số tiền này bà C2 đã giao hết lại cho Bà N1.

Do đó, việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 đối với bà C2 về việc bà C2 nhận số tiền 1.085.212.000đ thì bà không đồng ý vì bà nhận tiền nhưng đã đưa lại cho bà Hồ Thị N1. Đối với yêu cầu tính lãi với số tiền 722.841.466đ, bà C2 không đồng ý vì bà không lấy tiền đền bù của bà Nguyễn Thị C1 và thời gian đã quá lâu nên đã hết thời hiệu đối với yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21-7-2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị HĐXX xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà Lê Thị Huyền C2 không phải trả cho bà Nguyễn Thị C1 bất kỳ khoản tiền nào vì những lý do sau: Giữa bà Hồ Thị Đ (đại diện cho gia đình bà Nguyễn Thị C1) và bà Hồ Thị N1 có thỏa thuận về dịch vụ làm đất, xin bố trí tái định cư và bà Lê Thị Huyền C2 chỉ là người làm công ăn lương, thực hiện công việc theo sự chỉ đạo của Bà N1 và gia đình bà C1; toàn bộ số tiền hỗ trợ đền bù bà Lê Thị Huyền C2 đã nhận theo hợp đồng ủy quyền và đã được giao lại cho bà Hồ Thị N1 và Bà N1 cũng thừa nhận nội dung này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà - Hồ Thị Đ trình bày:* Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và thống nhất về hàng thừa kế của ông Hồ C3 và ông Hồ C4. Đối với hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị C1 và bà Lê Thị Huyền C2 thì bà có ký tên người làm chứng và bà không có ý kiến gì.

Theo biên bản chi tiền đền bù lần 2 với số tiền 380.000.000đ, bà Lê Thị Huyền C2 đã nộp tiền sử dụng đất cho 02 lô đất: lô 74 và lô 75 khu B2.23 đường 7,5m khu E2 mở rộng (chi mỗi lô $50.000.000 \times 2 \text{ lô} = 100.000.000\text{đ}$) là đúng. Bà N1 có giao cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất lô 74 và lô 75 khu B2.23 đường 7,5m khu E2 mở rộng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồ Thị B, ông Hồ Văn H2 trình bày:* Bà B, ông H2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và thống nhất về hàng thừa kế của ông Hồ C3 và ông Hồ C4.

Đối với nội dung bản tự khai đề ngày 18-5-2020 về việc trình bày vào ngày 31-01-2020 Bà B, ông H2 không đến Văn phòng công chứng P để làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì Bà B, ông H2 trình bày như vậy để làm căn cứ đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố Đà Nẵng để xác minh, điều tra làm rõ tình tiết trên. Ngoài ra, bà ông không có yêu

cầu gì và không có ý kiến gì đối với hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị C1 và bà Lê Thị Huyền C2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn Z trình bày:* Bà X, ông Z là người thừa kế theo quy định pháp luật của ông Hồ C4. Về việc ba của ông bà là ông Hồ C4 có đến Văn phòng công chứng P để ký văn bản phân chia di sản thừa kế thì ông bà không biết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồ Thị N1 trình bày:* Bà Lê Thị Huyền C2 là người làm công ăn lương của bà và bà C2 có đại diện ký kết hợp đồng ủy quyền để thay bà đi làm các thủ tục liên quan đến lô đất, còn tiền liên quan là 1.085.212.000đ thì bà C2 đã giao lại đầy đủ cho bà và bà Đ (là con gái của bà C1). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Bà Hồ Thị T2, bà Nguyễn Thị N2, bà ông Hồ Văn Q, bà Hồ Thị Xuân M, Văn phòng công chứng P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị C1.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.*

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Buộc bà Lê Thị Huyền C2 trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 985.212.000đ và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

** Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử vụ án tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 21-7-2022 như sau:*

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 218, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 121, 122, 124, 315, 581, 584 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 đối với bà Lê Thị Huyền C2 về việc tranh chấp đòi tài sản.

2. Buộc bà Lê Thị Huyền C2 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền đã nhận đền bù là 985.212.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Lê Thị Huyền C2 thanh toán số tiền lãi là 722.841.466đ của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị C1.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Bà Lê Thị Huyền C2 phải chịu 41.556.360đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 28-7-2022, bà Lê Thị Huyền C2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị C1 về việc buộc bà phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền đã nhận đền bù theo tính toán của gia đình bà C1 là 985.212.000đ.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng xác định số tiền bà Lê Thị Huyền C2 nhận đền bù là 985.212.000đ đã được xem xét, giải quyết theo Đơn tố cáo của bà Hồ Thị Đ đối với bà Hồ Thị N1, được nêu tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đối với bà Hồ Thị N1 bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Huyền C2; áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 21-7-2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 đối với bà Lê Thị Huyền C2 về việc tranh chấp đòi tài sản là số tiền nhận đền bù là 985.212.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 23-3-2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T1 đề nghị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Giấy uỷ quyền tham gia tố tụng ngày 29-10-2019 của bà Nguyễn Thị C1 cho ông Nguyễn Đình T1 không có nội dung uỷ quyền rút đơn khởi kiện nên Toà án đã tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu bà Nguyễn Thị C1 cho biết có đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T1 hay không. Đến phiên tòa phúc thẩm ngày 19-4-2023, ông Nguyễn Đình T1 vắng mặt và bà

Nguyễn Thị C1 cũng không có văn bản phản hồi theo yêu cầu của Toà án. Do vậy, việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện không có hiệu lực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị N1 hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam B, tỉnh T đã có Bản tự khai yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại gồm bà Hồ Thị T2, ông Hồ Văn H2, bà Hồ Thị B, bà Nguyễn Thị N2, bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn Q, bà Hồ Thị Xuân M, ông Hồ Văn Z và Văn phòng công chứng P đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Nội dung Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Huyền C2: Thứ nhất, bà C2 cho rằng bà không có việc ủy quyền độc lập với bà Hồ Thị Đ, bà Nguyễn Thị C1 mà làm việc theo yêu cầu của bà Hồ Thị N1 là người đã có thỏa thuận dịch vụ nhà đất với bà Hồ Thị Đ. Thứ hai, toàn bộ số tiền bà C2 đã nhận từ Ban Giải tỏa đã được giao lại cho Bà N1 và bà Đ biết rõ việc này.

Các nội dung này được bà Đ, Bà N1 thừa nhận tại các biên bản lấy lời khai tại Toà án cấp sơ thẩm. Đồng thời, Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 57/PC45 ngày 25-7-2018 đối với bà Hồ Thị N1, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng đã xác định vai trò của bà C2 là người làm công ăn lương của Bà N1, thực hiện các hành vi theo sự chỉ đạo của Bà N1 và không xem xét các trách nhiệm pháp lý của bà C2. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Lê Thị Huyền C2 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền đã nhận đền bù là 985.212.000đ là không đúng sự thật vụ án, oan ức cho bà C2.

[3] Xét Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Huyền C2:

[3.1] Bà Nguyễn Thị C1 khởi kiện tranh chấp đòi tài sản với bà Lê Thị Huyền C2, yêu cầu Toà án buộc bà C2 trả lại số tiền đền bù mà bà C2 nhận là 985.212.000đ cho bà Nguyễn Thị C1, không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ pháp lý để nguyên đơn khởi kiện là Hợp đồng ủy quyền lập ngày 31-01-2013 tại Văn phòng công chứng P giữa bên ủy quyền (bên A) là bà Nguyễn Thị C1 và Bên được ủy quyền (bên B) là bà Lê Thị Huyền C2; trong đó phạm vi ủy quyền như sau:

“Khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, bên A ủy quyền cho bên B được quyền thay mặt và nhân danh bên A thực hiện các công việc sau:

-Khi có chính sách giải tỏa của Nhà nước: Được quyền thay mặt bên A ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến chính sách đền bù, nhận tiền giải tỏa đền bù, các khoản hỗ trợ khác theo chính sách giải tỏa đền bù (nếu có).

-Khi được bố trí tái định cư: được nhận thông báo, phiếu đất tái định cư, đại diện đăng ký đất, bốc thăm lô đất.”

Bà Lê Thị Huyền C2 quá trình giải quyết vụ án điều tra bày bà không có quan hệ hay quen biết gì với bà Nguyễn Thị C1, bà Hồ Thị Đ. bà C2 chỉ là người làm công ăn lương cho bà Hồ Thị N1 nên bà đã ký Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 31-01-2013 tại Văn phòng công chứng P theo yêu cầu của Bà N1. bà C2 thừa nhận đã nhận tiền đền bù theo Hợp đồng uỷ quyền nói trên nhưng đã giao lại toàn bộ số tiền đã nhận cho bà Hồ Thị N1 nên bà không còn trách nhiệm gì đối với bà Nguyễn Thị C1. Toàn bộ phần trình bày này của bà C2 đều được bà Hồ Thị N1 xác nhận là đúng tại Bản tự khai gửi Toà án.

[3.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ngoài Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 31-01-2013 giữa bà Nguyễn Thị C1 và bà Lê Thị Huyền C2 nói trên; còn có một Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 01-02-2013 giữa bên uỷ quyền là bà Nguyễn Thị C1, bà Hồ Thị Đ và Bên được uỷ quyền là bà Lê Thị Huyền C2 có nội dung giống hệt Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 31-01-2013 đã trích dẫn ở trên. Đồng thời, giữa bà Hồ Thị Đ với bà Hồ Thị N1 còn có Giấy Thoả thuận lập ngày 23-01-2013 có nội dung bà Đ với tư cách là người đại diện và là con của ông Hồ C3; giao cho Bà N1 hồ sơ thửa đất để làm thủ tục áp giá đất tái định cư, Bà N1 có trách nhiệm làm đất khuôn viên lên đất ở, trừ tiền đất khuôn viên qua bên bà Đ, còn lại tiền chênh lệch chia 5/5. Ngoài ra, Bà N1 cam kết làm ra 05 lô đất tái định cư (gồm 03 lô 10m5 và 02 lô 7m5), bên bà Đ trừ ra cho bên Bà N1 01 lô để làm chi phí. Như vậy, chuỗi sự kiện theo các tài liệu này thể hiện là bà Đ đại diện cho hộ gia đình ông Hồ C3 thoả thuận yêu cầu Bà N1 làm thủ tục giải toả đền bù, bố trí đất tái định cư và trả chi phí bằng 01 lô đất cho Bà N1. Sau đó, bà C2 là người làm công của Bà N1 mới đứng tên trên Hợp đồng uỷ quyền với bà C1, bà Đ để thực hiện các nội dung đã được thoả thuận giữa bà Đ với Bà N1.

[3.3] Bà Hồ Thị Đ khai nhận bà Hồ Thị N1 có giao cho bà 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có nhận tiền lời từ Bà N1. Tại phiên toà xét xử phúc thẩm ngày 23-3-2023, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T1 cũng xác định: Bà Nguyễn Thị C1, bà Hồ Thị Đ không quen biết gì bà Lê Thị Huyền C2; bà C2 nhận tiền giải toả đền bù về có đưa cho Bà N1 và bà Đ có nhận tiền lời của Bà N1 nhưng ông không biết cụ thể bao nhiêu; Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 31-01-2013 tại Văn phòng công chứng P không khẳng định được là đúng hay sai nên ông vẫn luôn yêu cầu được giám định chữ ký, chữ viết.

Do đó, có căn cứ để xác định phần trình bày của bà C2 về việc không có quan hệ gì với bà C1 là đúng và việc bà C2 ký các Hợp đồng uỷ quyền, đi nhận tiền giải toả đền bù, nộp tiền phân lô ... đều theo sự chỉ đạo của Bà N1; tiền giải toả đền bù nhận được và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hồ C3 đều giao lại cho Bà N1 là sự thật.

[3.4] Đồng thời, số tiền giải toả đền bù 1.085.212.000đ mà bà Nguyễn Thị C1 khởi kiện đối với bà Lê Thị Huyền C2 trong vụ án dân sự này hoàn toàn trùng khớp với số tiền mà bà Hồ Thị Đ tố cáo đối với bà Hồ Thị N1 trong vụ án hình sự bị cáo Hồ Thị N1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Qua quá trình điều tra, lấy lời khai của Bà N1, bà Đ, bà C2... tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 57/PC45 ngày 25-7-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà

Năng đã nêu như sau:

“... Riêng số tiền đền bù đối với diện tích đất còn lại bà Đ đã uỷ quyền cho bà Lê Thị Huyền C2 (sinh năm: 1988, trú số nhà 20 đường L, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng) đến ban giải tỏa đền bù để nhận số tiền đền bù 1.085.000.000đ. Sau khi nhận tiền về C2 đã giao lại toàn bộ cho Hồ Thị N1 (Số tiền trên N1 chi phí nộp tiền đất và hưởng theo thỏa thuận với bà Đ số tiền 380.000.000đ, còn lại phải đưa cho bà Đ số tiền 705.000.000đ) nhưng đến nay Bà N1 vẫn chưa giao lại cho bà Đ và chiếm đoạt số tiền trên. Tổng số tiền N1 chiếm đoạt của bà Đ 2.065.000.000đ.

Bản thân bị can Hồ Thị N1 thừa nhận các nội dung trên, tuy nhiên N1 khai là do quen biết nên N1 có vay mượn và được bà Đ đồng ý cho mượn, hàng tháng N1 vẫn trả lãi suất vay Ngân hàng cho bà Đ. Do vậy đây là quan hệ vay mượn, không có dấu hiệu tội phạm.”

Cùng một số tiền, bà Hồ Thị Đ đại diện hộ ông Hồ C3 đã tố cáo bà Hồ Thị N1, đã được Bà N1 thừa nhận đang chiếm giữ của bà Đ và được Cơ quan Cảnh sát điều tra nêu tại Bản kết luận điều tra là bà Lê Thị Huyền C2 đã nhận, đã giao hết lại cho Bà N1 mà nay bà Nguyễn Thị C1 lại khởi kiện bà C2 để đòi số tiền này là không có căn cứ.

[3.5] Từ những chứng cứ trên, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bản chất của việc uỷ quyền theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 31-01-2013 giữa bà Nguyễn Thị C1 và bà Lê Thị Huyền C2 là việc uỷ quyền giữa bà Hồ Thị Đ với bà Hồ Thị N1. bà C2 đã thực hiện những công việc được Bà N1 giao và không còn nghĩa vụ gì đối với bà C1 hay bà Đ.

[4] Khi giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Hợp đồng uỷ quyền ngày 31-01-2013 giữa bà Nguyễn Thị C1 và bà Lê Thị Huyền C2 để xử buộc bà C2 phải trả lại tiền giải tỏa đền bù đã nhận cho bà C1 là chưa đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bên đương sự đã cung cấp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, tại Toà án.

Bà Lê Thị Huyền C2 kháng cáo là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận; cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1.

[5] Bà Hồ Thị N1 mới là người phải chịu trách nhiệm về số tiền nói trên đối với bà Nguyễn Thị C1. Do vậy, bà C1, bà Đ có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với Bà N1 để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

[6] Ngoài ra, tại hồ sơ vụ án còn có Đơn trình bày của Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T1, nội dung yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại do có vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể là không trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vết đường vân trên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Văn phòng công chứng P công chứng số 363A/VBTT-VSTL-CCPN ngày 31-01-2013. Yêu cầu này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét do nguyên đơn không có Đơn kháng cáo.

[7] Về án phí:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị C1 không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà C1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Bị đơn - bà Lê Thị Huyền C2 được chấp nhận Đơn kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 121, 122, 124, 315, 581, 584 Bộ luật Dân sự ;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận Đơn kháng cáo của Bị đơn – bà Lê Thị Huyền C2.

I. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 21-7-2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 đối với bà Lê Thị Huyền C2 về việc tranh chấp đòi tài sản là số tiền đã nhận đền bù 985.212.000đ (chín trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm mười hai nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Lê Thị Huyền C2 thanh toán số tiền lãi là 722.841.466đ (bảy trăm hai mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng) của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị C1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Huyền C2 không phải chịu. Hoàn trả cho bà C2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002027 ngày 03-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Cẩm Lệ, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai